



NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CHỌN NGÀNH HỌC KHỐI KINH TẾ CỦA SINH VIÊN KHOA KINH TẾ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯU

Phạm Thị Hương¹

Ngày nhận bài: 01/10/2023

Ngày chấp nhận đăng: 21/12/2023

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu về những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành học khối kinh tế của sinh viên và cách thức đo lường nó. Nghiên cứu được tiến hành phân tích định lượng trên kết quả câu hỏi điều tra 125 sinh viên hệ chính quy ngành Kế toán và Quản trị kinh doanh. Quá trình phân tích kết quả được thực hiện thông qua phần mềm SPSS 20. Kết quả nghiên cứu chỉ ra có những yếu tố tác động đến quyết định chọn ngành của sinh viên: Cơ hội nghề nghiệp; Cơ hội học tập cao hơn; Các cá nhân ảnh hưởng; Đặc điểm cá nhân; Công tác tư vấn tuyển sinh; Đặc điểm của trường đại học; Đặc điểm của ngành học; Khả năng trúng tuyển; Các phương tiện truyền thông. Trong các yếu tố đó thì công tác tư vấn tuyển sinh đóng vai trò quan trọng nhất, sau đó là đến định hướng cá nhân của bố mẹ, anh chị em, thầy cô giáo, bạn bè đối với người học. Điều này thực sự hữu ích đối với khoa Kinh tế và trường Đại học Hoa Lu vì có thể theo dõi và gia tăng được số lượng sinh viên theo học khối ngành kinh tế thông qua việc điều chỉnh những yếu tố tác động vào nó. Kết quả nghiên cứu giúp đưa ra được những gợi ý, căn cứ quan trọng trong xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng trong công tác tư vấn tuyển sinh.

Từ khóa: ngành học, lựa chọn ngành học, khối kinh tế, trường đại học

FACTORS AFFECTING THE DECISION TO CHOOSE ECONOMICS MAJOR OF STUDENTS OF THE FACULTY OF ECONOMICS OF HOA LU UNIVERSITY

Abstract: This article studies the factors that influence students' decision to choose an economics major and how to measure it. The research was conducted with a quantitative analysis on the results of a survey of 125 students majoring in Accounting and Business Administration. The results analysis process is performed through SPSS 20 software. Research results indicate the main factors affecting students' decision to choose a major: Career opportunities; Institutions of higher learning; Individuals influence; Personal characteristics; Admissions consulting work; Characteristics of the university; Characteristics of the field of study; Employability; Convenient media. Among those factors, admission consulting plays the most important role, followed by the personal orientation of parents, siblings, teachers, and friends towards the student. This is really useful for the Faculty of Economics and Hoa Lu University to monitor and increase the number of students studying economics through adjusting the factors that affect it. The research results have helped provide important tips and bases in building solutions to improve quality in admission consulting work.

Keywords: major, choosing a major, economics, university

¹ Khoa Kinh tế, Trường Đại học Hoa Lu; Email: pthuong@hlu.edu.vn



1. GIỚI THIỆU

Giáo dục và đào tạo luôn được xem là yếu tố quan trọng của một quốc gia vì nó quyết định đến tương lai của mỗi người nói riêng và xã hội nói chung. Trong các cấp bậc của giáo dục thì giáo dục Đại học luôn giữ vị trí trung tâm trong sự phát triển kinh tế xã hội của một đất nước. Trong mô hình giáo dục Đại học của các trường thì ngành học là vấn đề được các bạn học sinh, sinh viên quan tâm nhiều nhất. Sự lựa chọn ngành học sẽ ảnh hưởng đến việc lựa chọn công việc trong tương lai, từ đó cũng tạo ra sự cố gắng, tinh thần nỗ lực học tập đạt được mục tiêu của bản thân mỗi sinh viên khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường. Trong quá trình chọn ngành, có rất nhiều các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn của học sinh, sinh viên như: Cơ hội nghề nghiệp, đặc điểm cá nhân, ảnh hưởng của gia đình, ảnh hưởng của thầy cô, bạn bè, đặc điểm của trường học, chất lượng dạy học, đặc điểm của ngành học... Nghiên cứu với mục tiêu xác định các yếu tố chính ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành học nói chung và chọn ngành học khối Kinh tế của Trường Đại học Hoa Lư nói riêng, ngoài phương pháp phân tích định tính, bài viết còn sử dụng phương pháp phân tích định lượng thông qua sự hỗ trợ của phần mềm SPSS, từ đó có thể đề xuất một số hàm ý giải pháp để nâng cao chất lượng thông tin đến với người học và nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Nhà trường trong thời gian tới.

2. NỘI DUNG

2.1. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

2.1.1. Tổng quan nghiên cứu

a. Nghiên cứu “Các yếu tố ảnh hưởng đến việc sinh viên chọn trường” năm 2012 của nhóm tác giả TS. Nguyễn Minh Hà của trường Đại học mở thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu được thực hiện với 1.894 sinh viên năm thứ nhất hệ chính quy. Nghiên cứu đưa ra 7 nhân tố tác động đến hành vi chọn trường bao gồm: Nỗ lực của nhà trường, Chất lượng dạy – học, Đặc điểm cá nhân của sinh viên, Công việc trong tương lai, Khả năng đổ vào trường, Người thân trong gia đình và Người thân ngoài gia đình.

b. Nghiên cứu “Những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành tài chính - ngân hàng của sinh viên đại học Tôn Đức Thắng” năm 2013 của Bùi Thị Kim Hoàng, nghiên cứu đề cập đến 6 yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành học của sinh viên như: Đặc tính cá nhân, cảm nhận tính thích nghi, cảm nhận tính lợi ích cá nhân, cảm nhận tính chính xác, cảm nhận tính ổn định, cơ hội nghề nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho cảm nhận về cơ hội nghề nghiệp và tính thích thú có tác động mạnh nhất đối với quyết định chọn ngành Tài chính – Ngân hàng. Kết quả nghiên cứu này sẽ cung cấp thông tin để các nhà quản trị tại Đại học Tôn Đức Thắng có thể tác động đến việc chọn ngành của thí sinh sao cho phù hợp với bản thân và nhu cầu của xã hội, và góp phần phát huy danh tiếng của nhà trường.

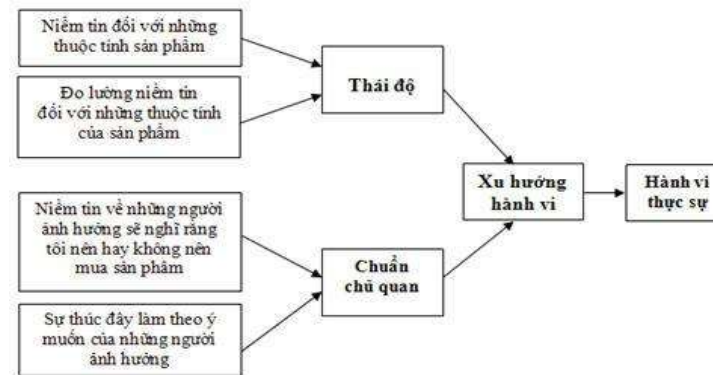
c. Nghiên cứu “Mô hình tổng quát của việc lựa chọn trường đại học” của các học sinh của David.W. Chapman. Dựa vào kết quả thống kê mô tả, ông cho thấy có 2 nhóm yếu tố ảnh hưởng nhiều đến quyết định chọn trường đại học của học sinh. Thứ nhất là đặc điểm của gia đình và cá nhân học sinh. Thứ hai là nhóm yếu tố bên ngoài ảnh hưởng, cụ thể là các cá nhân ảnh hưởng, các đặc điểm cố định của trường đại học và nỗ lực giao tiếp của trường đại học với các học sinh.

2.1.2. Cơ sở lý thuyết

Hành vi tiêu dùng là hành vi người tiêu dùng thể hiện trong quá trình tìm kiếm mua, sử dụng và đánh giá các loại sản phẩm và dịch vụ mà họ mong muốn sẽ thỏa mãn được nhu cầu của mình. Với góc nhìn ở khía cạnh marketing thì sinh viên là đối tượng khách hàng tiêu thụ các dịch vụ đặc biệt gọi là các dịch vụ đào tạo, mà các trường đại học là nơi cung cấp dịch vụ đào tạo. Hành vi lựa chọn ngành học của sinh viên ảnh hưởng đến các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo của trường Đại học để thu hút sinh viên lựa chọn trường học và ngành học.

Thuyết hành động hợp lý TRA (Theory of Reasoned Action) được Ajzen và Fishbein xây dựng từ năm 1967 và được hiệu chỉnh mở rộng theo thời gian. Mô hình TRA (Ajzen và Fishbein, 1975) cho thấy xu hướng tiêu dùng là yếu tố dự đoán tốt nhất về hành vi tiêu dùng. Đề quan tâm

hơn về các yếu tố góp phần đến xu hướng mua thì xem xét hai yếu tố là thái độ và chuẩn chủ quan của khách hàng.



Hình 1. Mô hình TRA (Ajzen và Fishbein, 1975)

Mục đích chính của TRA là tìm hiểu hành vi tự nguyện của một cá nhân bằng cách kiểm tra động lực cơ bản tiềm ẩn của cá nhân đó để thực hiện một hành động. TRA cho rằng ý định thực hiện hành vi của một người là yếu tố dự đoán chính về việc họ có thực sự thực hiện hành vi đó hay không. Ngoài ra, các quy tắc xã hội cũng góp phần vào việc người đó có thực sự thực hiện hành vi hay không. Theo lý thuyết, ý định thực hiện một hành vi nhất định có trước hành vi thực tế. Ý định này được gọi là ý định hành vi và là kết quả của niềm tin rằng việc thực hiện hành vi đó sẽ dẫn đến một kết quả cụ thể. Ý định hành vi rất quan trọng đối với lý thuyết TRA bởi vì những ý định này "được xác định bởi thái độ đối với các hành vi và chuẩn chủ quan". Thuyết hành động hợp lý cho thấy rằng ý định càng mạnh mẽ càng làm tăng động lực thực hiện hành vi, điều này dẫn đến làm tăng khả năng hành vi được thực hiện.

Thái độ đối với hành vi

Theo thuyết hành động hợp lý, thái độ là một trong những yếu tố quan trọng quyết định ý định hành vi và đề cập đến cách mà một người cảm nhận đối với một hành vi cụ thể. Những thái độ này bị ảnh hưởng bởi hai yếu tố: sức mạnh của niềm tin về kết quả của hành vi được thực hiện (nghĩa là kết quả có thể xảy ra hay không) và đánh giá kết quả tiềm năng (nghĩa là kết quả có khả quan hay không). Thái độ đối với một hành vi nhất định có thể là tích cực, tiêu cực hoặc trung tính. Thuyết TRA quy định rằng tồn tại một mối tương quan trực tiếp giữa thái độ và kết quả, nếu người ta tin rằng một hành vi nào đó sẽ dẫn đến một kết quả mong muốn hoặc thuận lợi, thì người ta có nhiều khả năng có thái độ tích cực đối với hành vi đó. Bên cạnh đó, nếu người ta tin rằng một hành vi nhất định sẽ dẫn đến một kết quả không mong muốn hoặc không thuận lợi, thì nhiều khả năng người ta có thái độ tiêu cực đối với hành vi đó.

Chuẩn chủ quan

Các chuẩn chủ quan cũng là một trong những yếu tố chính quyết định ý định hành vi và đề cập đến nhận thức của các cá nhân hoặc các nhóm người có liên quan như thành viên gia đình, bạn bè và đồng nghiệp, ... có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện hành vi của một người. Theo TRA, mọi người phát triển một số niềm tin hoặc niềm tin chuẩn mực về việc liệu một số hành vi nhất định có được chấp nhận hay không. Những niềm tin này định hình nhận thức của một người về hành vi và xác định ý định thực hiện hoặc không thực hiện hành vi của một người.

Ý định hành vi

Ý định hành vi là một thành phần được tạo nên cả thái độ và chuẩn chủ quan đối với hành vi đó, có thể hiểu rằng ý định hành vi đo lường khả năng chủ quan của đối tượng sẽ thực hiện một hành vi, được xem như một trường hợp đặc biệt của niềm tin, được quyết định bởi thái độ

của một cá nhân đối với các hành vi và chuẩn chủ quan. Thái độ là cách một người thể hiện hay phản ứng đối với hành động và các chuẩn chủ quan là các chuẩn mực xã hội gắn liền với hành động. Thái độ càng tích cực và chuẩn chủ quan càng mạnh mẽ, mối quan hệ giữa thái độ và hành vi được thể hiện càng cao. Tuy nhiên, thái độ và chuẩn chủ quan dường như không cân bằng như nhau trong việc dự đoán hành vi. Tùy thuộc vào từng cá nhân và tình huống, các yếu tố này có thể có tác động theo một mức độ khác nhau đến ý định hành vi.

Hành vi

Hành vi là những hành động quan sát được của đối tượng được quyết định bởi ý định hành vi. Theo thuyết hành động hợp lý (TRA), hành vi phải được xác định rõ ràng theo bốn khái niệm sau: Hành động, Mục tiêu, Bối cảnh và Thời gian. Thuyết này cho rằng ý định hành vi là động lực chính của hành vi, trong khi hai yếu tố quyết định chính đối với ý định hành vi là thái độ và chuẩn chủ quan của con người. Bằng cách kiểm tra thái độ và chuẩn chủ quan, các nhà nghiên cứu có thể hiểu được liệu một cá nhân có thực hiện hành động dự định hay không.

2.1.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành theo 2 bước gồm nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng.

+ Bước 1: Nghiên cứu định tính: Dựa vào cơ sở lý thuyết, xây dựng bảng câu hỏi khảo sát về những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành khối kinh tế. Sau đó, phỏng vấn giảng viên và sinh viên khối ngành kinh tế để điều chỉnh bảng câu hỏi.

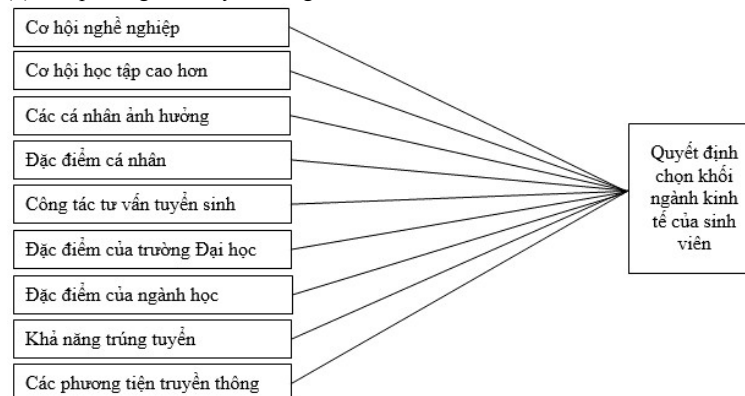
+ Bước 2: Nghiên cứu định lượng gồm nghiên cứu sơ bộ và nghiên cứu chính thức.

Đối với nghiên cứu sơ bộ, tiến hành khảo sát thử sinh viên ngành kế toán, quản trị kinh doanh. Sau đó, sử dụng phần mềm SPSS 20 để đánh giá độ tin cậy thang đo, phân tích nhân tố. Các biến không đảm bảo độ tin cậy, không giải thích tốt cho các nhân tố sẽ bị loại trước khi khảo sát chính thức.

Đối với nghiên cứu chính thức, tiến hành thu thập dữ liệu thông qua khảo sát bằng bảng câu hỏi. Nghiên cứu kiểm định lại thang đo, phân tích nhân tố, và thực hiện mô hình hồi quy tương quan xác định các yếu tố tác động đến quyết định chọn ngành học khối kinh tế của sinh viên Trường Đại học Hoa Lư.

2.1.4. Mô hình lý thuyết đề xuất

Mô hình nghiên cứu xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn khối ngành kinh tế của sinh viên trường Đại học Hoa Lư thông qua các yếu tố: (1) Cơ hội nghề nghiệp; (2) Cơ hội học tập cao hơn; (3) Các cá nhân ảnh hưởng; (4) Đặc điểm cá nhân; (5) Công tác tư vấn tuyển sinh; (6) Đặc điểm của trường Đại học; (7) Đặc điểm của ngành học; (8) Khả năng trúng tuyển; (9) Các phương tiện truyền thông.



Hình 2. Mô hình nghiên cứu

Biến phụ thuộc là biến quyết định chọn ngành học khối kinh tế và biến độc lập là 9 nhóm biến: Cơ hội nghề nghiệp, cơ hội học tập, cá nhân ảnh hưởng, cá nhân người học, công tác tư vấn tuyển sinh, đặc điểm của trường đại học, đặc điểm của ngành học, khả năng trúng tuyển, các phương tiện truyền thông. Các biến được mã hóa theo thang đo Likert 1 – 5.

2.2. Kỹ thuật phân tích dữ liệu thống kê

Để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành học khối kinh tế của sinh viên trường Đại học Hoa Lư, quá trình phân tích dữ liệu thống kê sẽ được thực hiện qua các bước sau:

Kiểm định độ tin cậy của thang đo được đánh giá qua hệ số Cronbach'Alpha

Hệ số Cronbach'Alpha (Cronbach, 1951) là hệ số tin cậy được sử dụng kiểm định thang đo lường tương quan giữa các cặp biến quan sát. Phương pháp này giúp loại bỏ các biến quan sát không đủ độ tin cậy (có hệ số tương biến và tổng biến nhỏ hơn 0,3). Đối với đề tài này, tác giả chấp nhận hệ số Cronbach'Alpha $\geq 0,6$.

Phân tích nhân tố khám phá EFA

Phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis): Phương pháp sử dụng để thu nhỏ và tóm tắt dữ liệu. Nghiên cứu thu thập lượng biến khá lớn nhưng các biến có liên hệ với nhau nên chúng ta gom lại thành các nhóm biến có liên hệ để xem xét và trình bày dưới dạng một số ít nhân tố cơ bản có tác động đến sự hài lòng của sinh viên. Các biến có trọng số thấp (nhỏ hơn 0,5) sẽ bị loại và thang đo chỉ được chấp nhận khi tổng phương sai trích lớn hơn 50%.

Hồi quy tuyến tính

Hồi quy tuyến tính được phát triển thành mô hình hồi quy tuyến tính – LRM (Linear Regression Model) là 1 trong công cụ quan trọng trong Kinh tế lượng và là phương pháp thống kê giúp hồi quy và dự báo dữ liệu theo thuật toán giữa một một giá trị liên tục với một hoặc nhiều các giá trị liên tục, định danh hay phân loại có liên quan.

Mô hình hồi quy tổng thể sử dụng trong nghiên cứu:

$$QDCN = \beta_1 + \beta_2 CHNN + \beta_3 CHHT + \beta_4 DHCN + \beta_5 DDBT + \beta_6 TVTS + \beta_7 DDTH + \beta_8 DDNH + \beta_9 KNTT + \beta_{10} PTTT$$

Trong đó:

- QDCN: Quyết định chọn ngành
- CHNN: Cơ hội nghề nghiệp
- CHHT: Cơ hội học tập cao hơn
- DHCN: Các cá nhân ảnh hưởng hay định hướng cá nhân
- DDBT: Đặc điểm bản thân
- TVTS: Công tác tư vấn tuyển sinh
- DDTH: Đặc điểm trường đại học
- DDNH: Đặc điểm ngành học
- KNTT: Khả năng trúng tuyển
- PTTT: Các phương tiện truyền thông

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Đánh giá độ tin cậy thang đo bằng hệ số Cronbach alpha

Bảng 1. Tóm tắt hệ số Cronbach'Alpha của các biến số nghiên cứu

Các nhân tố tác động	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai của thang đo nếu loại biến	Tương quan với biến tổng	Hệ số Cronbach'Alpha nếu loại biến
Nhân tố 1: Cơ hội nghề nghiệp alpha = 0.834				
CHNN1	100.52	96.445	0.077	0.836
CHNN2	100.608	91.014	0.526	0.829
CHNN3	100.8	97.081	0.432	0.837

Nhân tố 2: Cơ hội học tập cao hơn $\alpha = 0.819$				
CHHT1	100.568	92.505	0.368	0.812
CHHT2	100.72	97.977	0.032	0.827
Nhân tố 3: Cá nhân ảnh hưởng $\alpha = 0.923$				
DHCN1	100.232	88.373	0.692	0.921
DHCN2	100.48	89.139	0.745	0.916
DHCN3	100.728	87.28	0.691	0.927
DHCN4	100.656	89.26	0.613	0.928
Nhân tố 4: Đặc điểm cá nhân người học $\alpha = 0.819$				
DDBT1	100.408	90.518	0.782	0.816
DDBT2	100.256	92.934	0.489	0.813
DDBT3	100.248	92.253	0.577	0.829
Nhân tố 5: Công tác tư vấn tuyển sinh $\alpha = 0.928$				
TVTS1	100.624	86.607	0.821	0.934
TVTS2	100.768	85.115	0.853	0.923
Nhân tố 6: Đặc điểm của trường đại học $\alpha = 0.812$				
DDTH1	100.16	92.926	0.469	0.803
DDTH2	100.232	89.873	0.574	0.808
DDTH3	100.352	88.327	0.735	0.826
Nhân tố 7: Đặc điểm của ngành học $\alpha = 0.826$				
DDNH1	100.344	88.308	0.748	0.826
DDNH2	100.344	88.308	0.748	0.826
Nhân tố 8: Khả năng trúng tuyển $\alpha = 0.827$				
KNTT1	100.224	91.998	0.618	0.828
KNTT2	100.352	89.214	0.661	0.827
Nhân tố 9: Các phương tiện truyền thông $\alpha = 0.823$				
PTTT1	100.104	89.884	0.562	0.819
PTTT2	100.096	91.12	0.692	0.827

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu trên phần mềm SPSS)

Kết quả phân tích thang đo của các nhân tố được thể hiện ở bảng 1 cho thấy, thang đo “Cơ hội nghề nghiệp” có hệ số Cronbach’Alpha là 0.834 (Lớn hơn 0.6). Đây là thang đo tốt. Thang đo này gồm 3 biến quan sát: CHNN1, CHNN2, CHNN3. Cả 3 biến này đều có hệ số tương quan với biến tổng lớn hơn 0.3, các hệ số Cronbach’Alpha đều lớn hơn 0.6 nên đều có độ tin cậy của thang đo.

Thang đo “Cơ hội học tập”, “Cá nhân ảnh hưởng”, “Đặc điểm cá nhân người học”, “Công tác tư vấn tuyển sinh”, “Đặc điểm của trường đại học”, “Đặc điểm của ngành học”, “Khả năng trúng tuyển”, “Các phương tiện truyền thông”, đều có hệ số Cronbach’Alpha lớn hơn 0.6 và có các biến quan sát CHHT1, CHHT2, DHCN1, DHCN2, DHCN3, DHCN4, DDBT1, DDBT2, DDBT3, TVTS1, TVTS2, DDTH1, DDTH2, DDNH1, DDNH2, KNTT1, KNTT2, PTTT1, PTTT2 đều có hệ số tương quan với biến tổng lớn hơn 0.3 nên các biến đều có độ tin cậy.

2.3.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Thang đo trong nghiên cứu gồm 23 biến quan sát và sau khi kiểm tra mức độ tin cậy bằng phương pháp Cronbach’Alpha thì không có biến nào bị loại. Để khẳng định mức độ phù hợp của thang đo với 23 biến quan sát, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA. Chỉ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) và Barlett’s. Theo Hair và cộng sự (1998) tiêu chí để đánh giá

mức ý nghĩa của EFA là hệ số tải nhân tố (Factor Loading). Nếu hệ số tải nhân tố này có giá trị lớn hơn 0.3 được xem là đạt mức tối thiểu; có giá trị 0.4 được xem là quan trọng; và giá trị lớn hơn 0.5 được xem là có ý nghĩa thực tiễn. Do đó, trong nghiên cứu này hệ số tải nhân tố được lựa chọn trong phân tích nhân tố khám phá nếu các biến quan sát thỏa mãn điều kiện hệ số lớn hơn 0.5.

Phương pháp trích yếu tố Principal Component Analysis với phép quay Varimax và điểm dừng khi các yếu tố có giá trị riêng của ma trận (eigenvalue) bằng 1 và được sử dụng cho phân tích nhân tố với 25 biến quan sát. Loại dần các biến quan sát có hệ số tải < 0.5 sau đó lần lượt phân tích lại theo quy trình trên, ta được kết quả tại bảng 2.

Bảng 2. Tóm tắt các hệ số khi phân tích nhân tố

L ần	Tổng số biến phân tích	Số biến quan sát bị loại	Hệ số KMO	Sig	Phương sai trích	Số nhân tố phân tích được
Lần 1	23	2	0.830	0.000	66.449	9
Lần 2	21	0	0.841	0.000	68.558	9

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu trên phần mềm SPSS)

2.3.3. Phân tích hồi quy

Sau khi rút trích được các nhân tố từ phân tích nhân tố khám phá EFA, mô hình 9 nhân tố tác động đến “Quyết định chọn ngành học của sinh viên”. Việc tiến hành phân tích hồi quy nhằm mục đích kiểm định sự phụ thuộc của quyết định chọn ngành học của sinh viên vào các nhân tố tác động. Đồng thời, mô hình hồi quy cũng có thể giúp chúng ta xác định được vai trò của từng nhân tố tác động đến quyết định chọn ngành học của sinh viên. Giá trị của các yếu tố được dùng để chạy hồi quy là giá trị trung bình của các biến quan sát đã được kiểm định.

Bảng 3. Kết quả hồi quy đa biến

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	T	Sig.	Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
(Constant)	.2382	.081		1.018	.311		
CHNN	.223	.015	.415	-1.483	.012	.682	1.467
CHHT	.443	.014	.502	.228	.020	.739	1.353
DHCN	.463	.069	.551	5.989	.000	.014	1.824
DDBT	.412	.031	.425	-2.047	.043	.108	1.250
TVTS	.489	.036	.694	-2.049	.043	.032	1.725
DDTH	.473	.032	.489	15.229	.000	.065	1.404
DDNH	.349	.022	.411	15.546	.000	.096	1.451
KNTT	-.387	.077	.387	-5.001	.000	.011	1.533
PTTT	.276	.028	.478	9.938	.000	.085	1.727

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu trên phần mềm SPSS)

Bảng kết quả phân tích các hệ số hồi quy trong mô hình cho thấy tất cả các nhân tố của hoạt động đào tạo đều có ý nghĩa trong mô hình (Sig<0.050) và có 8/9 nhân tố tác động cùng chiều đến quyết định chọn ngành của sinh viên (các hệ số hồi quy đều mang dấu dương), chỉ có nhân tố khả năng trúng tuyển tác động ngược chiều tới quyết định chọn ngành của sinh viên. Hệ số hồi quy của các biến độc lập trong mô hình có giá trị báo cáo lần lượt: Cơ hội nghề nghiệp (CHNN): 0.415; Cơ hội học tập cao hơn (CHHT): 0.502; Định hướng cá nhân (DHCN): 0.551; Đặc điểm bản thân (DDBT): 0.425; Tư vấn tuyển sinh (TVTS): 0.694; Đặc điểm trường học

(DDTH): 0.489; Đặc điểm ngành học (DDNH): 0.411; Khả năng trúng tuyển (KN TT): 0.387; Phương tiện truyền thông (PTTT): 0.478.

Từ đó cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành của sinh viên có thể xếp theo thứ tự ảnh hưởng từ cao xuống thấp lần lượt là: Tư vấn tuyển sinh; Cá nhân ảnh hưởng; Cơ hội học tập cao hơn; Đặc điểm trường học; Phương tiện truyền thông; đặc điểm cá nhân người học; Cơ hội nghề nghiệp; Đặc điểm ngành học; Khả năng trúng tuyển.

2.4. Gợi ý một số giải pháp

Dựa vào các kết quả phân tích của mô hình hồi quy cho thấy nhân tố tác động mạnh nhất đến việc thu hút tuyển sinh là công tác tư vấn tuyển sinh, sau đó là ảnh hưởng cá nhân của bố mẹ, anh chị em, thầy cô giáo và bạn bè. Trước hết, nhà trường, khoa sẽ phải tập trung vào các yếu tố tác động mạnh đến quyết định chọn ngành học của sinh viên theo những định hướng cụ thể như sau:

Đối với công tác tư vấn tuyển sinh

Nhà trường cần tập trung vào công tác tư vấn tuyển sinh thông qua đẩy mạnh công tác truyền thông, thiết lập các mối quan hệ giữa nhà trường với các tổ chức doanh nghiệp, nâng cao chất lượng đội ngũ tư vấn tuyển sinh, cũng như có những chính sách tuyển sinh phù hợp, kịp thời để khuyến khích, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác tư vấn tuyển sinh.

Trong những năm vừa qua, nhà trường cũng đã chú trọng và làm tốt công tác tuyển sinh, hình ảnh của nhà trường được quảng bá theo nhiều hình thức phong phú, đa dạng, thường xuyên, qua việc tuyên truyền trên đài phát thanh, truyền hình, các pa – nô, áp – phích, tư vấn trực tiếp qua điện thoại, qua email, facebook, zalo của Trường. Vì thế, thông tin tuyển sinh được nhiều người dân, phụ huynh, học sinh trong và ngoài tỉnh biết đến. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã kết hợp chặt chẽ với hiệp hội doanh nghiệp tỉnh để giới thiệu các doanh nghiệp cho sinh viên khối ngành kinh tế đến thực tập, các doanh nghiệp cũng đã tài trợ các xuất học bổng cho sinh viên đạt điểm cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập.

Đối với định hướng cá nhân

Công tác tuyển sinh nếu chỉ dựa vào cán bộ, giảng viên của nhà trường thì chưa đủ phải tranh thủ các lực lượng bên ngoài như các trường Trung học phổ thông, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân các xã, phường (đối tác). Một mặt họ vừa là những người hàng ngày trực tiếp với các đối tượng học sinh và các bậc phụ huynh, mặt khác tiếng nói của họ sẽ có tác động khá mạnh mẽ đến sự quyết định lựa chọn con đường học tập của các học sinh hay các bậc phụ huynh sau khi con em họ tốt nghiệp Trung học phổ thông.

Trong những năm gần đây, nhà trường cũng đã đẩy mạnh liên kết và phối hợp với nhiều trường THPT trên địa bàn tỉnh cũng như các trường THPT ngoài tỉnh để tăng cường các hoạt động giao lưu, tạo nguồn tuyển sinh phát triển bền vững. Kết quả cho thấy, có nhiều học sinh ở tỉnh ngoài như Nam Định, Hòa Bình, Hà Nam, Hà Nội, Cần Thơ, Gia Lai đã lựa chọn nhà trường để học tập và nghiên cứu, điều đó là minh chứng tốt cho việc tuyển sinh có hiệu quả của Nhà trường.

Đối với Cơ hội nghề nghiệp và cơ hội học tập cao hơn

Nhà trường cần quan tâm đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực bởi đây là vũ khí chiến lược dài hạn, gắn với việc sinh lợi lâu dài và công cụ quan trọng để đạt đến mục tiêu của Nhà trường. Nhà trường nên xem đào tạo và phát triển là một cách thức động viên tinh thần học tập của sinh viên, cập nhật hóa chương trình gắn với thực tiễn. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đăng ký giảng dạy cho sinh viên của trường hoặc tham gia làm việc tại các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp phù hợp với chuyên ngành mà sinh viên được đào tạo hoặc sinh viên cũng có những cơ hội học tập nâng cao trình độ chuyên môn ở các cấp đào tạo sau đại học.

Đối với đặc điểm ngành học

Yếu tố đặc điểm ngành học có tác động ít tới quyết định chọn ngành của sinh viên, sở dĩ như thế có thể các ngành của khối Kinh tế chưa có nhiều chuyên ngành sâu, nên sự lựa chọn của sinh viên chưa được phong phú, đa dạng. Để khắc phục hạn chế này, để đáp ứng nhu cầu của xã

hội, Nhà trường và khoa đã tiến hành xây dựng và mở hai mã ngành chuyên sâu mới là Quản trị kinh doanh Khách sạn và nhà hàng; Kế toán doanh nghiệp. Trong đợt tuyển sinh vừa qua, Nhà trường cũng đã thu hút được sinh viên theo học chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp, đây cũng là tín hiệu tốt cho công tác tuyển sinh của Nhà trường.

3. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã đề xuất mô hình về các yếu tố tác động đến quyết định chọn ngành học của sinh viên khối ngành Kinh tế bao gồm 9 nhóm yếu tố: Cơ hội nghề nghiệp, cơ hội học tập cao hơn, cá nhân ảnh hưởng, đặc điểm cá nhân người học, công tác tư vấn tuyển sinh, đặc điểm của trường đại học, đặc điểm của ngành học, khả năng trúng tuyển và các phương tiện truyền thông.

Thang đo được kiểm định bằng phương pháp độ tin cậy Cronbach Alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA. Quá trình phân tích kết quả trong nghiên cứu định lượng được thực hiện thông qua phần mềm SPSS phiên bản 20.

Kết quả nghiên cứu này cho biết các yếu tố tác động đến quyết định chọn ngành học của sinh viên và cách thức đo lường nó. Điều này thực sự hữu ích đối với khoa Kinh tế và trường Đại học Hoa Lư vì có thể theo dõi và gia tăng được số lượng sinh viên theo học khối ngành kinh tế thông qua việc điều chỉnh những yếu tố tác động vào nó. Kết quả nghiên cứu cũng sẽ giúp đưa ra được những gợi ý, căn cứ quan trọng trong xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng trong công tác tư vấn tuyển sinh. Vấn đề cốt lõi là làm thế nào để thực hiện các giải pháp một cách đồng bộ, lập kế hoạch cải thiện từng bước, trình tự thực hiện các giải pháp như thế nào đảm bảo hiệu quả. Muốn vậy phải lập kế hoạch chi tiết từng bước kèm tiến độ thực hiện, kết quả cần đạt được, tránh rơi vào tình trạng bị rối không biết giải quyết vấn đề nào trước...

Để có thể thu hút được nhiều sinh viên theo học khối ngành kinh tế ở giai đoạn hiện nay, cần tập trung vào những yếu tố có hệ số Beta cao như công tác tư vấn tuyển sinh và định hướng cá nhân của bố mẹ, anh chị em, thầy cô giáo, bạn bè đối với người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2012), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nhà xuất bản Hồng Đức.
- [2] Nguyễn Đình Thọ (2011), *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, Nhà xuất bản Lao động Xã hội.
- [3] Nguyễn Đình Thọ và Nguyễn Thị Mai Trang (2007), *Nghiên cứu khoa học Marketing, ứng dụng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM*, Nhà xuất bản Trường Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
- [4] Bùi Thị Kim Hoàng (2013), *Những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành tài chính - ngân hàng của sinh viên đại học Tôn Đức Thắng*, Luận văn thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh.
- [5] Nguyễn Thị Lan Hương (2012), *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ chọn ngành quản trị doanh nghiệp của sinh viên trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng*, Luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh, Trường Đại học Đà Nẵng.
- [6] Trần Minh Đức (2015), *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ chọn ngành đào tạo nghiệp vụ du lịch của sinh viên Trường Cao đẳng nghề Du lịch - Thương mại Nghệ An*, Luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh.

